

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ROMAN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ROMAN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ROMAN PROPERTY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ROMAN PROPERTY .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110461067

**3. Ngày thành lập:** 24/08/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 222 đường Khương Thượng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0978991990

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                          | 4322     |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                 | 4330     |
| 3.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>- Chi tiết: Bán buôn sắt thép                                                                                                                                                           | 4662     |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                        | 4663     |
| 5.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                      | 8230     |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (loại trừ dịch vụ báo cáo toà án, hoạt động đấu giá độc lập, dịch vụ lấy lại tài sản) | 8299     |
| 7.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                          | 6201     |
| 8.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                            | 6202     |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                | 6209     |
| 10. | Cổng thông tin<br>(loại trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                 | 6312     |
| 11. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh bất động sản                                                                                                | 6810     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản                                                                                                                                                                                                               | 6820(Chính) |
| 13. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(không bao gồm tư vấn tài chính, tư vấn pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7020        |
| 14. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7310        |
| 15. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>- Chi tiết: - Thiết kế nội thất; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất - Thiết kế trang web; - Thiết kế hệ thống máy tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống máy tính tích hợp với phần cứng, phần mềm và các công nghệ truyền thông) - Thiết kế đồ họa, sách, báo - Thiết kế ảnh 3D | 7410        |
| 16. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 0810        |
| 17. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1811        |
| 18. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1812        |
| 19. | Sao chép bản ghi các loại<br>Chi tiết: - Sao chép băng, đĩa hát, đĩa compact và băng máy từ các bản gốc; - Sao chép băng, đĩa từ, băng video phim và các ấn phẩm video từ các bản gốc; - Sao chép các phần mềm và dữ liệu sang đĩa, băng từ các bản gốc.                                                                                                         | 1820        |
| 20. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2392        |
| 21. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2395        |
| 22. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2511        |
| 23. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5911        |
| 24. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5912        |
| 25. | Hoạt động chiếu phim                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5914        |
| 26. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>(loại trừ xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5920        |
| 27. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4101        |
| 28. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4221        |
| 29. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4222        |
| 30. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4223        |
| 31. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4229        |
| 32. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4291        |
| 33. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4292        |
| 34. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4293        |

|     |                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 35. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. - Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...). | 4299 |
| 36. | Phá dỡ<br>(trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                                                                                           | 4311 |
| 37. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                                                                                | 4312 |
| 38. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                      | 4321 |
| 39. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                       | 4752 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                      | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | CAO ĐẮC<br>NHẬT | R53109 CC Royal<br>City 72A Nguyễn<br>Trãi, Phường<br>Thượng Đình,<br>Quận Thanh<br>Xuân, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 100.000       | 1.000.000.000            | 10,000       | 0330890010<br>44                                                                                                       |            |
|     |                 |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                         | Tổng số                            | 100.000       | 1.000.000.000            | 10,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                         |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                       |                                                                                 |                           |         |               |        |              |
|---|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 2 | NGUYỄN VĂN TÍN        | Thôn Khả Duy, Xã Đoàn Đào, Huyện Phù Cừ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông         | 700.000 | 7.000.000.000 | 70,000 | 033086015417 |
|   |                       |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                       |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                       |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                       |                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                       |                                                                                 | Tổng số                   | 700.000 | 7.000.000.000 | 70,000 |              |
| 3 | NGUYỄN NGỌC ÁNH DƯƠNG | Số 40 phố Quán Sứ, Phường Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 200.000 | 2.000.000.000 | 20,000 | 001190000670 |
|   |                       |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                       |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                       |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                       |                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                       |                                                                                 | Tổng số                   | 200.000 | 2.000.000.000 | 20,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN NGỌC ÁNH DƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/09/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001190000670

Ngày cấp: 04/04/2023

Nơi cấp: cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 40 phố Quán Sứ, Phường Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 40 phố Quán Sứ, Phường Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội